

NGHIÊN CỨU CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HỢP TÁC CÁC BÊN LIÊN QUAN ĐỊA PHƯƠNG TRONG PHÁT TRIỂN DU LỊCH TẠI HUYỆN LẠC DƯƠNG TỈNH LÂM ĐỒNG

Nguyễn Thị Thanh Ngân

Khoa Quản trị Du lịch, Trường Đại học Đà Lạt

E-mail: nganntt@dlu.edu.vn

Đồng Xuân Đảm

Viện Đào tạo Quốc tế, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

E-mail: dong.dam@isneu.org

Phạm Hồng Long

Trưởng Khoa Du lịch, Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn Hà Nội

E-mail: longph@vnu.edu.vn

Ngày nhận: 04/01/2019

Ngày nhận bản sửa: 10/4/2019

Ngày duyệt đăng: 05/8/2019

Tóm tắt:

Phát triển du lịch vùng nông thôn được xem là một trong những giải pháp phát triển bền vững vì nó mang lại những lợi ích cả về kinh tế, văn hóa - xã hội và môi trường. Mục tiêu của nghiên cứu này khám phá các nhân tố ảnh hưởng đến hợp tác các bên liên quan trong phát triển du lịch huyện Lạc Dương tỉnh Lâm Đồng. Kết quả nghiên cứu chỉ ra các nhân tố ảnh hưởng đến hợp tác các bên liên quan địa phương trong phát triển du lịch bao gồm lợi ích, thông tin và giao tiếp, cam kết, niềm tin, vai trò người trưởng nhóm và sự tham gia bình đẳng, sự tôn trọng và sự phụ thuộc lẫn nhau. Trên cơ sở đó, đề xuất mô hình nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến hợp tác và một vài khuyến nghị thúc đẩy hợp tác các bên liên quan trong phát triển du lịch tại huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng.

Từ khóa: Hợp tác các bên liên quan, phát triển du lịch bền vững, Lạc Dương.

Mã JEL: L83

Factors influencing local stakeholder collaboration in tourism development in Lac Duong district, Lam Dong province

Abstract:

Tourism development in rural regions is considered as one of the solutions for sustainable tourism development as it brings a variety of economic, socio-cultural and environmental benefits. The primary aim of this research is to identify factors affecting local stakeholder collaboration in tourism development in Lac Duong district, Lam Dong province. The results show that factors affecting local stakeholder collaboration in tourism development include benefit, information and communication, commitment, trust, roles of leaders and equal participation, respect and interdependent. Based on the findings, the research model and several recommendations are proposed in order to promote stakeholder collaboration in tourism development in Lac Duong district, Lam Dong province.

Keywords: Stakeholder collaboration, sustainable tourism development, Lac Duong.

JEL Code: L83

1. Giới thiệu

Phát triển du lịch nông thôn bền vững cần sự cam kết, đồng thuận của nhiều bên liên quan cùng hợp tác. Nỗ lực hợp tác của các bên liên quan sẽ quyết định sự thành công của một điểm đến, xây dựng các gói dịch vụ đa dạng, gia tăng những trải nghiệm, sự hài lòng du khách và sự bền vững của một điểm đến. Bên cạnh đó hợp tác sẽ thúc đẩy phát triển điểm đến như tạo công ăn việc làm cho người tham gia, nâng cao nhận thức của các bên về phát triển du lịch một cách bền vững, cải thiện sinh kế, nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường sống và môi trường rừng, nâng cao nhận thức của người tham gia về hợp tác và phát triển bền vững (Dimitrovskia & cộng sự, 2012; Garau, 2015; Haven-Tang & Jones, 2012) đồng thời tạo sự lan tỏa về nhận thức trong cộng đồng địa phương về việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa. Chính vì thế, hợp tác các bên liên quan như là một thành phần quan trọng của điểm đến nhưng nó chưa được chú trọng nhiều trong nghiên cứu. Nghiên cứu này sẽ đóng góp vào khoảng trống nghiên cứu thông qua xác định các nhân tố ảnh hưởng đến hợp tác các bên liên quan tại bối cảnh điểm đến cụ thể. Trên cơ sở tổng quan lý thuyết và nghiên cứu địa bàn, mục tiêu của nghiên cứu này là nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến hợp tác các bên liên quan trong phát triển du lịch vùng nông thôn tại huyện Lạc Dương tỉnh Lâm Đồng.

2. Tổng quan nghiên cứu

2.1. Hợp tác và vai trò của hợp tác trong phát triển du lịch

Có nhiều cách tiếp cận về hợp tác các bên liên quan. Theo cách hiểu đơn giản thì hợp tác có ý nghĩa khi hai hoặc nhiều chủ thể cùng nhau làm việc với mục tiêu được chia sẻ (Frey & cộng sự, 2006). Theo Jamal & Getz (1995, 188) thì “*Hợp tác là một quá trình ra quyết định chung giữa các bên liên quan quan trọng, tự trị về hợp tác liên tổ chức, hợp tác du lịch cộng đồng để giải quyết vấn đề hoạch định hoặc những vấn đề quản lý liên quan đến kế hoạch và phát triển hợp tác*”. Như vậy, để hợp tác các bên liên quan cần phải có mục tiêu rõ ràng và phải có sự đồng thuận của họ.

Nhiều tác giả đã chỉ ra vai trò của hợp tác các bên liên quan trong du lịch. Xuất phát từ vấn đề các bên liên quan không thể sở hữu tất cả các nguồn lực (hiểu biết, vốn, chuyên môn, thông tin, kinh nghiệm,...)

để đạt được mục tiêu (Bramwell & Lane, 2000; Roberts & Bradley, 1991; Yodsuwan, 2010) nên hợp tác sẽ giúp tổng hợp các nguồn lực của các bên và có thể mang lại lợi ích lớn hơn (Jamal & Getz, 1995; Maiden, 2008). Hợp tác các bên liên quan cũng giúp nâng cao hiểu biết, nhận thức, xây dựng sự tự tin, chia sẻ lợi ích, giảm thiểu rủi ro cho các chủ thể tham gia (Yuksel & cộng sự, 1999; Bramwell & Sharman, 1999; Aas & cộng sự, 2005; Jamal & Getz, 1995; Yodsuwan, 2010). Trong quá trình hợp tác bên liên quan, có sự mất cân bằng về quyền lực chính trị dẫn đến tiếng nói của các bên liên quan không bình đẳng và thường bị chi phối bởi các bên có quyền lực cao hơn (Komppula, 2016; Saito & Ruhanen, 2017). Do đó, nhờ vào hợp tác, bên yếu thế về chính trị sẽ được trao quyền, có quyền đóng góp ý kiến trong hoạch định chính sách du lịch, do đó các chủ thể sẽ hiểu nhau hơn và lợi ích được chia sẻ công bằng hơn.

Bằng chứng thực nghiệm chứng minh không phải lúc nào hợp tác cũng đạt được kết quả. Những khó khăn thách thức như hạn chế nguồn lực, mục tiêu không rõ ràng, thiếu sự đồng thuận, hạn chế quỹ hoạt động, chia sẻ thông tin, giao tiếp kém, lãnh đạo nhóm, thiếu lòng tin, cam kết thiếu tin cậy, bỏ qua những đối tác quan trọng, thiếu sự theo dõi giám sát, sử dụng nguồn lực không hiệu quả, đặc điểm văn hóa của cộng đồng là những yếu tố rào cản quá trình hợp tác (Ladkin & Bertramini, 2002; Roberts & Simpson, 1999; Tosun, 2000; Yodsuwan, 2010). Bên cạnh đó, trong bối cảnh phát triển du lịch tại Lâm Đồng, nghiên cứu của Nguyễn Thị Thanh Ngân (2016) đã chỉ ra nguyên nhân hạn chế hợp tác là do nhận thức không đầy đủ của các bên liên quan về tầm quan trọng của hợp tác nên họ thờ ơ với hợp tác. Hợp tác là một quá trình lâu dài, việc tạo ra một cơ chế hợp tác hiệu quả thì rất cần sự nỗ lực tham gia của nhiều bên liên quan. Sự tham gia của nhiều bên liên quan là sự tổng hợp nhiều nguồn lực vào hợp tác phát triển du lịch.

2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến hợp tác các bên liên quan

Hợp tác thành công hay thất bại phụ thuộc vào nhiều yếu tố bởi hợp tác là một quá trình phức tạp và linh hoạt (Jamal & Getz, 1995; Saito & Ruhanen, 2017). Từ tổng quan nghiên cứu lý thuyết, các nhân tố ảnh hưởng đến quá trình hợp tác các bên liên quan được thể hiện ở Bảng 1.

Bảng 1: Tổng hợp các yếu tố ảnh hưởng đến hợp tác các bên liên quan

Nhân tố	Tác giả
Lợi ích cá nhân và lợi ích chung	Bramwell & Sharman (1999), Jamal & Getz (1995), Selin & Chavez (1995), Yodsuwan (2010)
Niềm tin	Aylward & Kelliher (2009), Butterfield & cộng sự (2004), Waddock & Bannister (1991), Yodsuwan (2010) Fathimath (2015), Thaithong (2016), Trần Thị Huyền Trang (2017).
Tầm nhìn và mục tiêu chung	Waddock & Bannister (1991), Aylward & Kelliher (2009), Fathimath (2015)
Cam kết	Aas & cộng sự (2005), Aylward & Kelliher (2009), Trần Thị Huyền Trang (2017), Fathimath (2015), Thaithong (2016)
Quyền lực	Aas & cộng sự (2005), Butterfield & cộng sự. (2004), Jamal & Getz (1995), Selin & Chavez (1995), Waddock & Bannister (1991)
Thông tin và giao tiếp/chất lượng giao tiếp	Aas & cộng sự. (2005), Bramwell & Sharman (1999), Butterfield & cộng sự (2004), Lee & cộng sự (2015), Selin & Chavez (1995), Waddock & Bannister (1991), Fathimath (2015), Yodsuwan (2010)
Tính hợp pháp	Aas & cộng sự (2005), Jamal & Getz (1995)
Chất lượng người đại diện và sự tham gia bình đẳng	Bramwell & Sharman (1999), Butterfield & cộng sự (2004), Jamal & Getz (1995), Lee & cộng sự (2015), Selin & Chavez (1995), Waddock & Bannister (1991), Fathimath (2015), Yodsuwan (2010)
Trách nhiệm	Aas & cộng sự (2005)
Sự phụ thuộc lẫn nhau	Waddock & Bannister (1991), Jamal & Getz (1995), Selin & Chavez (1995), Thaithong (2016); Yodsuwan (2010)
Có đi có lại	Aylward & Kelliher (2009), Thaithong (2016)

Nguồn: Tổng hợp từ nghiên cứu của các tác giả.

Trong Bảng 1 có những nhân tố như lợi ích, niềm tin, tầm nhìn và mục tiêu, cam kết, quyền lực, thông tin và giao tiếp, tính hợp pháp, chất lượng người đại diện, trách nhiệm, sự phụ thuộc lẫn nhau và sự có đi có lại ảnh hưởng đến hợp tác các bên liên quan. Xuất phát từ sự khác biệt trong phương pháp nghiên cứu, mẫu quan sát, thời kỳ quan sát và nhân tố ảnh hưởng hợp tác trong các bối cảnh khác nhau làm cho kết quả của những nghiên cứu này không đồng nhất. Vì vậy nhiều nghiên cứu ở trên đã không chỉ ra một cách đầy đủ nhất các nhân tố ảnh hưởng đến hợp tác các bên liên quan. Do đó, không thể áp dụng các kết quả nghiên cứu trên vào bối cảnh nghiên cứu này được. Hơn nữa, phần lớn các nghiên cứu trước thường chủ yếu được thực hiện ở các nước phát triển,

còn nghiên cứu này được thực hiện ở Lâm Đồng, địa bàn phát triển du lịch nông thôn. Do đó, nghiên cứu này nhằm xác định các nhân tố ảnh hưởng đến hợp tác các bên liên quan trong bối cảnh nhất định.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Địa bàn nghiên cứu

Huyện Lạc Dương nằm ở phía đông bắc tỉnh Lâm Đồng. Diện tích tự nhiên 131.233,03 ha, đồng bào dân tộc thiểu số chiếm 72,5 % dân số. Với vị trí thuận lợi, chỉ cách thành phố Đà Lạt 8km, đã từ lâu Lạc Dương là điểm đến vệ tinh có ý nghĩa của thành phố Đà Lạt, góp phần bổ sung vào đa dạng hóa sản phẩm du lịch, tạo sự khác biệt trong trải nghiệm cho du khách. Loại hình du lịch cộng đồng của huyện Lạc Dương đã trải qua gần 20 năm phát triển, nhưng

Bảng 2. Các bên liên quan tham gia phỏng vấn trực tiếp tại huyện Lạc Dương

Các bên liên quan tham gia phỏng vấn	Số lượng
Chính quyền địa phương và đại diện cơ quan quản lý du lịch huyện, thị trấn	05
Trưởng nhóm công chiêng	04
Thành viên nhóm múa	03
Chủ cơ sở homestay	01
Đại diện khu điểm du lịch	03
Hướng dẫn viên du lịch địa phương	01
Cơ sở ẩm thực Tây Nguyên	03
Doanh nghiệp du lịch	02
Đại diện Sở VH-TT-DL tỉnh Lâm Đồng	01
Đại diện Hiệp hội Du lịch	01
Chuyên gia du lịch	02
Nghệ nhân	01
Thành viên hội nấu rượu cần	01
Tổng	28

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả phỏng vấn.

đến nay quy mô vẫn khá nhỏ. Hiện tại, du lịch cộng đồng đang là thế mạnh và là một trong số các loại hình du lịch đặc thù để quảng bá du lịch của huyện. Huyện Lạc Dương được chọn làm địa bàn nghiên cứu vì lý do:

1) Sự đa dạng của các loại hình và chủ thể tham gia phát triển du lịch như du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng, du lịch mạo hiểm, du lịch thiên nhiên, du lịch nông nghiệp;

2) Đây là địa bàn có nhiều nhóm hợp tác phát triển du lịch. Cụ thể, tại thị trấn Lạc Dương hiện đang có 10 nhóm công chiêng Tây Nguyên hoạt động với mục tiêu chia sẻ lợi ích, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa bản địa của người Cơ-ho. Một số nhóm đã hoạt động được trên 15 năm nên quá trình hợp tác diễn ra khá lâu dài và nhiều nhóm có sự kế thừa giữa các thế hệ. Mỗi nhóm công chiêng có 20-30 thành viên nên sự tương tác trong nhóm diễn ra thường xuyên. Bên cạnh đó, tại Lạc Dương, hình thức hợp tác theo dự án JICA (2010-2012) “Tăng cường năng lực quản lý dựa vào cộng đồng cho Vườn Quốc gia Bidoup núi Bà” thu hút nhiều bên tham gia, bao gồm cả chính quyền địa phương, người dân địa phương, kiểm lâm và nhân viên trung tâm du lịch Vườn Quốc gia Bidoup núi Bà. Chính vì lý do huyện Lạc Dương có nhiều nhóm hợp tác đã và đang hoạt động

nên việc xác định các bên liên quan tham gia trong hợp tác có nhiều thuận lợi và phù hợp với mục tiêu nghiên cứu. Do đó, huyện Lạc Dương đã được chọn làm địa bàn nghiên cứu.

3.2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu trường hợp (Yin, 2011) được thực hiện. Để chọn mẫu phỏng vấn các bên liên quan tại địa bàn nghiên cứu, cách xác định mẫu dựa vào kỹ thuật chọn mẫu có mục đích kết hợp chọn mẫu quả bóng tuyết. Chọn mẫu có mục đích giúp mang lại dữ liệu phù hợp và phong phú nhất (Yin, 2011, 88). Chọn mẫu quả bóng tuyết bắt đầu với một vài người và sau đó mở rộng quy mô mẫu thông qua sự giới thiệu những người mới phù hợp để thực hiện phỏng vấn (Yin, 2011, 89). Kết hợp cả hai kỹ thuật này giúp nhà nghiên cứu xác định người tham gia phỏng vấn phù hợp với mục tiêu nghiên cứu và đạt được nguồn dữ liệu phong phú. Các bên liên quan tham gia hợp tác trong lĩnh vực du lịch được phỏng vấn trực tiếp gồm 28 người trong suốt thời gian từ tháng 10 năm 2018 đến tháng 12 năm 2018. Thời gian phỏng vấn từ 30 phút đến 60 phút. Hầu hết các cuộc phỏng vấn được ghi âm và ghi chép lại toàn bộ. Ngoài ra, phỏng vấn chéo giữa các bên liên quan cũng giúp kiểm tra lại các bên tham gia trong nhóm hợp tác. Dữ liệu được mã hóa bằng

Bảng 3: Các yếu tố ảnh hưởng đến hợp tác các bên liên quan tại huyện Lạc Dương (n=28)

Yếu tố	Tần xuất	Tỷ lệ %
Lợi ích	43	21.82
Cam kết	26	13.19
Giao tiếp	23	11.67
Vai trò người trưởng nhóm	23	11.67
Niềm tin	21	10.65
Thông tin	19	9.64
Sự tôn trọng	16	8.12
Sự tham gia bình đẳng	11	5.58
Sự phụ thuộc	11	5.58
Có đi có lại	4	2.03
Tổng	197	100

Nguồn: Tổng hợp kết quả phỏng vấn.

phần mềm Atlas.ti. Trên cơ sở đó, dữ liệu được thu thập và tổng hợp, nhận thức của các bên liên quan địa phương về các yếu tố ảnh hưởng đến hợp tác các bên liên quan trong phát triển du lịch định hướng bền vững tại huyện Lạc Dương tỉnh Lâm Đồng được làm rõ.

4. Kết quả và thảo luận

4.1. Các bên liên quan tham gia trong hợp tác phát triển du lịch

Ban đầu, các bên liên quan được tổng hợp theo các chủ thể như các bên thuộc khu vực công, khu vực tư và cộng đồng địa phương có liên quan đến du lịch (Yodsuwan, 2010). Tuy nhiên, khi tiếp xúc trực tiếp, nhiều bên liên quan không phù hợp cho mục tiêu nghiên cứu nên các bên liên quan đó bị loại khỏi danh sách. Vì vậy, số bên liên quan tham gia phỏng vấn thành công được tổng hợp và thể hiện ở Bảng 2.

Khi phỏng vấn, một số bên liên quan không chỉ đơn thuần có một vai trò mà thường có hai vai trò tham gia trong hợp tác. Chẳng hạn, khi phỏng vấn một trưởng nhóm công chức thì người này vừa là trưởng nhóm công chức vừa là hướng dẫn viên du lịch địa phương và nghệ nhân. Hoặc thành viên hội nấu rượu cần cũng là đại diện chính quyền địa phương. Do đó, việc thống kê ở bảng trên mang tính chất theo công việc du lịch chính mà họ tham gia phối hợp trong du lịch.

4.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến hợp tác các bên liên quan tại huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng

Nguồn dữ liệu được tổng hợp và mã hóa từ các cuộc phỏng vấn các bên liên quan thể hiện tần xuất gặp lại của các nhân tố ảnh hưởng đến hợp tác các bên liên quan được thể hiện ở Bảng 3.

Từ Bảng 3, có thể thấy có 10 nhân tố quan trọng nhất ảnh hưởng đến hợp tác các bên liên quan bao gồm lợi ích, cam kết, giao tiếp, vai trò của người trưởng nhóm, niềm tin, thông tin, sự tôn trọng, sự tham gia bình đẳng, sự phụ thuộc. Trong đó, nhân tố lợi ích và cam kết có tần suất lặp lại cao nhất. Nhân tố vai trò người trưởng nhóm và nhân tố giao tiếp có tần suất lặp lại bằng nhau. Nhân tố giao tiếp và thông tin có quan hệ rất gần bó với nhau nên được xem xét đưa vào cùng một nhân tố là thông tin và giao tiếp. Cũng vậy, nhân tố vai trò của người trưởng nhóm cũng được ghép vào nhân tố sự tham gia bình đẳng. Nhân tố có đi có lại có tần suất thấp nên không đưa vào xem xét là các nhân tố ảnh hưởng ở đây. Nhân tố này giúp gợi mở để nghiên cứu về hợp tác trong trường hợp quy mô mẫu lớn hơn trong các nghiên cứu tiếp theo. Như vậy, đã rút gọn lại còn 7 nhân tố ảnh hưởng đến hợp tác các bên liên quan, bao gồm lợi ích, thông tin và giao tiếp, cam kết, niềm tin, vai trò người trưởng nhóm và sự tham gia bình đẳng, sự tôn trọng và sự phụ thuộc.

4.2.1. Nhân tố lợi ích

Đây là nhân tố nhận được quan tâm nhiều nhất của các bên liên quan trong hợp tác. Lợi ích bao gồm cả lợi ích vật chất và tinh thần. Đối với lợi ích vật

chất, khi phỏng vấn người dân địa phương tham gia trong hoạt động nhóm công chiêng, họ cho rằng:

“Du lịch giúp em cải thiện thu nhập, em nhận theo ca biểu diễn, một buổi biểu diễn khách đông được 160 ngàn/1.5 giờ” (Thành viên nhóm công chiêng).

Trưởng nhóm công chiêng thì cho rằng:

“Nói chung, tất nhiên gắn kết mới đùm bọc được lẫn nhau, mình cũng tạo điều kiện cho mọi người để đời sống có thêm thu nhập, có niềm vui, làm gì cũng có thù lao” (Trưởng nhóm công chiêng).

Về lợi ích tinh thần, thì người tham gia phỏng vấn trả lời như sau:

“Đem lại rất nhiều lợi ích vì tính chất công việc của em rất là áp lực, ..., thật sự mà nói em đi làm công việc này để vui để xả stress, một phần em rất thích hát và múa mặc dù hát không hay, múa không đẹp nhưng em rất thích” (Thành viên nhóm công chiêng).

Như vậy, có thể thấy trong cộng đồng, lợi ích cho mỗi thành viên về cơ bản được quan tâm chia sẻ bởi người trưởng nhóm. Từ đây sự gắn kết cộng đồng cũng được phát huy.

Thành viên tham gia JICA thì cho rằng:

“JICA không mang tính chất áp đặt mà vận động người dân tự nguyện tham gia gắn với chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, gắn với lợi ích, chia sẻ lợi ích, những người tham gia được ưu tiên vay vốn cải thiện sinh kế” (Thành viên JICA).

Từ thực tiễn các cuộc phỏng vấn, JICA đã hỗ trợ cho cộng đồng hướng dẫn người dân tham gia vào hoạt động du lịch như tập huấn các kỹ năng du lịch như hướng dẫn, diễn giải, nâng cao nhận thức của bà con về bảo vệ môi trường rừng, cải thiện sinh kế người dân.

Còn với đại diện doanh nghiệp du lịch thì cho rằng:

“Doanh nghiệp có lợi sẽ làm, nếu không lợi nhuận không làm” (Đại diện doanh nghiệp du lịch).

Đối với doanh nghiệp, điều dễ hiểu mục tiêu kinh doanh là lợi nhuận nên nếu lợi ích không đạt được thì họ sẽ cân nhắc về mối quan hệ phối hợp. Còn đối với đại diện cơ quan quản lý du lịch địa phương thì cho rằng:

“Các bên đều có lợi ích, địa phương như ngôi nhà

du lịch, bao gồm chính quyền địa phương, người dân, doanh nghiệp du lịch và khách du lịch. Mỗi bên liên quan đều có lợi ích riêng” (Đại diện Cơ quan quản lý du lịch địa phương).

Như vậy, có thể thấy nhân tố lợi ích là quan trọng nhất đối với mỗi người tham gia và đặc biệt tại điểm đến nông thôn thì nhân tố này được các bên liên quan nhận thức rất rõ vì gia tăng sinh kế cho các bên, đặc biệt đối với người dân tộc thiểu số Cơ-ho. Kết quả này cũng đồng thuận với nghiên cứu của nhiều tác giả (Bramwell & Sharman, 1999; Jamal & Getz, 1995; Selin & Chavez, 1995; Yodsuwan, 2010). Yếu tố lợi ích là động lực để thúc đẩy hợp tác các bên liên quan.

4.2.2. Nhân tố cam kết

Đối với các nhóm công chiêng thì hầu hết cam kết là thỏa thuận bằng miệng trong nhóm vì các bên tham gia có mối quan hệ giữa người trưởng nhóm và các con cháu trong dòng họ, người thân quen trong bon làng, bạn bè thân thiết nên có mức độ tin tưởng và gắn kết cao.

“Gần như chả có cam kết gì hết, có việc cô gọi thì làm không có việc thì thôi. Có việc thì chắc chắn cô gọi lên làm” (Thành viên nhóm công chiêng).

Sự cam kết ở đây còn liên quan đến niềm tin vững chắc thể hiện mối quan hệ ràng buộc vô hình rất cao trong nhóm và cộng đồng. Còn đối với doanh nghiệp du lịch lại tập trung vào các quan hệ đối tác:

“Cam kết vẫn có nhưng không mang tính thường xuyên, chỉ phát sinh khi khách có yêu cầu. Cam kết mang tính chất tự nguyện có lợi cả đôi bên” (Đại diện doanh nghiệp du lịch).

“Chưa cam kết về mục tiêu hoạt động phát triển bền vững, có cam kết nguồn lực, nguồn quỹ, phân chia nhiệm vụ rõ ràng, cam kết chia sẻ lợi ích, rủi ro và tham gia công bằng” (Đại diện doanh nghiệp du lịch).

“Cam kết nếu vi phạm bị loại trừ” (Hiệp hội Du lịch Lâm Đồng).

Bên cạnh đó, khi được hỏi cam kết ảnh hưởng đến hợp tác các bên liên quan thì nhiều người khẳng định cam kết rất quan trọng vì nó liên quan đến các hoạt động tham gia và lợi ích của họ. Như vậy có thể thấy, đối với các nhóm cộng đồng, có cam kết nhưng chủ yếu là thỏa thuận bằng miệng, nhìn vào thấy lỏng lẻo nhưng sự gắn kết trong cộng đồng rất chặt

chẽ và niềm tin cao. Còn các nhóm khác thì thỏa thuận bằng hình thức văn bản (hợp đồng hoặc thỏa thuận hợp tác). Khi đã ký cam kết thì các thành viên phải có trách nhiệm thực hiện công việc theo đúng thỏa thuận đã ký. Cam kết này mang tính ràng buộc khá cao trong nhóm hợp tác.

4.2.3. Nhân tố thông tin và giao tiếp.

Kết quả phỏng vấn cho thấy thông tin và giao tiếp có thể thúc đẩy hoặc cản trở hợp tác. Khi được hỏi giao tiếp ảnh hưởng như thế nào trong hoạt động nhóm công chiềng, một thành viên đã trả lời:

“Giao tiếp thường xuyên, những lúc không có khách cũng giao tiếp thường xuyên trong nhóm zalo. Hẹn nhau đi cà phê, rất thân thiết. Giao tiếp bằng tiếng Lạch trong nhóm nhưng giao tiếp với khách bằng tiếng Kinh” (Thành viên nhóm công chiềng).

“10 nhóm tập trung ở 3 tổ dân phố nên triển khai nhanh, điện thoại hoặc trực tiếp trao đổi” (Đại diện Chính quyền địa phương).

Giao tiếp giúp gắn kết mọi người trong cộng đồng. Ngược lại một số bên liên quan cho rằng thông tin và giao tiếp có những ảnh hưởng hạn chế hợp tác.

“Rào cản lớn là chia sẻ thông tin, bùng bít thông tin, kênh thông tin kém. Trong khuôn khổ dự án thì thúc đẩy các bên tham gia cùng bày tỏ ý kiến, người dân không muốn nói ra vì chán, ý kiến không được tiếp thu” (Chuyên gia du lịch).

“Khó khăn chất lượng nguồn nhân lực, có những đoàn khách nước ngoài tới nhiều người không nói được tiếng Anh, nói lưu loát không được, nghe hiểu chưa tốt” (Thành viên JICA).

“Với góc độ người trong bon làng, người trong dòng họ, bon làng thân thiết cả nên không gì xa lạ, rất bình thường, nhưng có cái chưa mang lại lợi ích trực tiếp cho anh em nên họ giao tiếp thờ ơ” (Đại diện Chính quyền địa phương).

“Họ không mở lòng thực sự vì sợ cạnh tranh” (Đại diện doanh nghiệp du lịch).

Khi đề cập đến vấn đề giao tiếp với người dân tộc thiểu số Cơ-ho tham gia trong dự án JICA, người trả lời có đề cập:

“Hạn chế ngôn ngữ, tiếng Anh, khó hiểu hết ý đồ truyền đạt của họ. Người đồng bào Cơ-ho dùng tiếng của họ, họ trao đổi với nhau mình không hiểu, họ nói tiếng Việt không hết nghĩa. Tiếng Anh dịch ra tiếng Cơ-ho không hết nghĩa điều này gây khó khăn

rất nhiều” (Thành viên JICA).

Như vậy, thông tin và giao tiếp có ảnh hưởng rất nhiều đến hợp tác các bên liên quan có thể là thúc đẩy hoặc hạn chế hợp tác. Thông qua sự tương tác, sự gắn kết trong cộng đồng cũng được cải thiện. Tuy nhiên, đối với nhóm JICA, chuyên gia du lịch và doanh nghiệp du lịch cho thấy yếu tố giao tiếp thờ ơ, hạn chế ngôn ngữ, cạnh tranh đang là những rào cản hiện hữu trong hợp tác. Các yếu tố này cũng đã được chỉ ra bởi một số nghiên cứu (Ladkin & Bertramini, 2002; Roberts & Simpson, 1999; Tosun, 2000; Yodsuwan, 2010) và thêm yếu tố bùng bít thông tin là một rào cản quan trọng để tiếp cận thực tiễn tại vùng nông thôn Lâm Đồng.

4.2.4. Nhân tố niềm tin

Người dân khi tham gia vào các hoạt động du lịch họ đều khẳng định có niềm tin và sự tin tưởng cao vào người trưởng nhóm, thành viên nhóm và các hoạt động của nhóm.

“Thành viên trong dòng họ, có niềm tin, sự tin tưởng có sẵn trong cộng đồng vì tin tưởng nhau mới tham gia” (Thành viên nhóm công chiềng).

Hoặc khi được hỏi *“Nếu thu nhập chỗ khác tốt hơn em có đi làm chỗ khác không?”* thì người trả lời như sau *“Không, vì em là chỗ người nhà, đi cô chú la cho, gần như toàn người nhà, liên quan đến dòng họ”* (Thành viên nhóm công chiềng).

“Sự tin tưởng rất cao mới hoạt động được đến ngày hôm nay. Mình luôn phải yêu thương mọi người, lắng nghe các con cháu, đâu phải mình là người hoàn hảo này kia, góp ý những tốt đẹp hoặc những gì chưa hiểu sâu, những cách đối xử, mình lớn nhất cũng như nhỏ nhất luôn luôn lắng nghe phục vụ con cháu nên mọi người yêu thương” (Trưởng nhóm công chiềng).

“Không có niềm tin sẽ không hợp tác” (Trưởng nhóm công chiềng).

Niềm tin, sự tin tưởng ở đây liên quan đến sự ràng buộc vô hình trong hợp tác. Như vậy, có thể thấy hợp tác trong nhóm công chiềng có sự tin tưởng rất cao và đã có nền tảng sẵn trong cộng đồng người Cơ-ho. Chính nhờ yếu tố này, hợp tác trong các nhóm công chiềng càng chặt chẽ và phát triển.

Đối với đại diện doanh nghiệp du lịch thì đề cập đến sự tin tưởng vào các đối tác du lịch:

“Mức độ tin tưởng cao vì mình đề nghị hợp tác

với các bên đó thì những bên được đề nghị cũng có năng lực để tạo ra giá trị cộng hưởng” (Đại diện doanh nghiệp du lịch).

“Có sự tin tưởng cao với đối tác vì nếu không tin tưởng họ mình không kết nối các chương trình tour được” (Đại diện doanh nghiệp du lịch).

Mục đích doanh nghiệp là khi kết nối, họ phải tìm được đối tác mà họ có sự tin tưởng vào năng lực vì liên quan trực tiếp đến hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Như vậy, để có thể hợp tác và đối tác du lịch thì cần phải có niềm tin. Nếu thiếu đi niềm tin thì rất khó để thúc đẩy hợp tác.

4.2.5. Nhân tố vai trò của người trưởng nhóm và sự tham gia bình đẳng

Vai trò của người trưởng nhóm được nhấn mạnh khá nhiều trong hợp tác. Đối với thành viên nhóm cộng đồng thì cho rằng:

“Người quản lý làm việc theo tính chất chia sẻ, họ không áp đặt, nhưng với điều kiện có gì mình phải nói, phải chia sẻ để họ biết, để họ đưa ra các giải pháp, các kế hoạch tiếp theo” (Thành viên nhóm cộng chiêng).

Còn đại diện chính quyền địa phương cũng khẳng định:

“Bình đẳng quyền lực, rất bình thường trong giao tiếp, không xa cách” (Đại diện chính quyền địa phương).

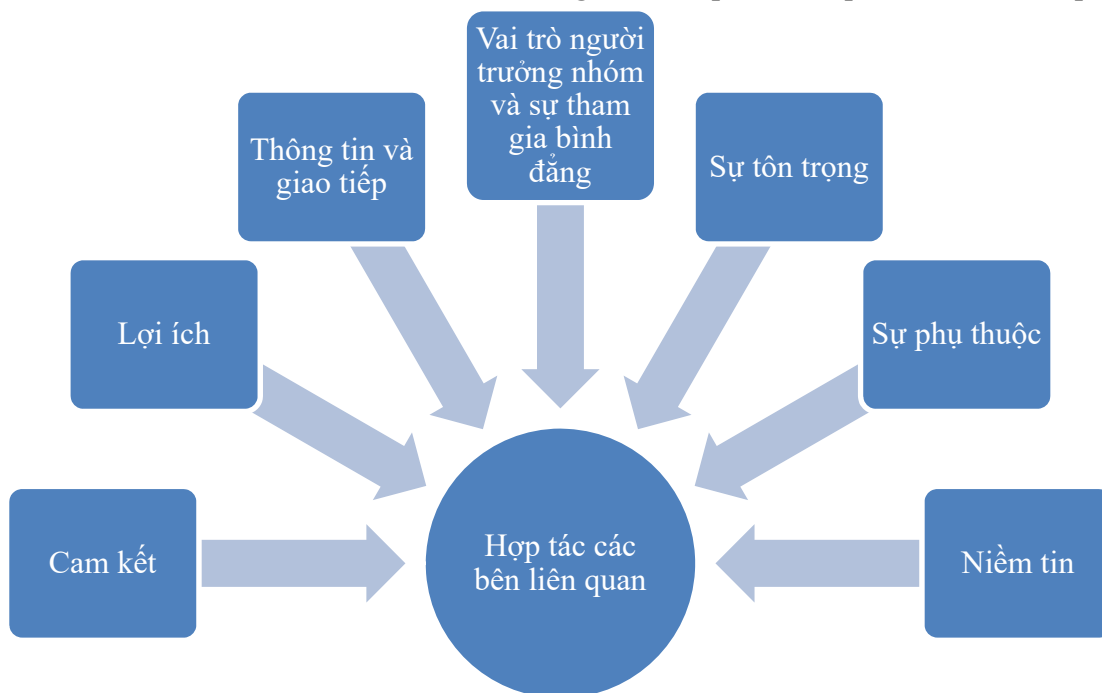
Có sự khác biệt khá bất ngờ trong nghiên cứu. Dựa vào tổng quan lý thuyết, nhân tố quyền lực có ảnh hưởng đến hợp tác các bên liên quan, chi phối các bên liên quan (Komppula, 2016; Saito & Ruhanen, 2017). Tuy nhiên trong kết quả nghiên cứu lại chỉ ra yếu tố quyền lực không chi phối đến hợp tác mà sự tham gia bình đẳng giữa các bên trong nhóm hợp tác lại được đề cập. Do đặc điểm cộng đồng là đồng bào thiểu số, có hiểu biết hạn chế nên cơ quan công quyền tích cực hỗ trợ người dân hiểu biết chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước, của địa phương, đồng thời phải hỗ trợ người dân nâng cao nhận thức về sự tham gia trong phát triển du lịch. Vì vậy yếu tố quyền lực đã không được người trả lời đề cập, ngay cả với thành viên tham gia yếu thế hơn.

4.2.6. Nhân tố sự tôn trọng

Sự tôn trọng của các thành viên trong nhóm có ảnh hưởng tích cực đến hoạt động của nhóm hợp tác. Chẳng hạn, thành viên của nhóm cộng chiêng cho rằng:

“Ý kiến đưa ra được tiếp thu, được tôn trọng, được thực hiện nếu ý kiến đúng” (Thành viên nhóm cộng chiêng).

Hình 1: Mô hình các nhân tố ảnh hưởng đến mối quan hệ hợp tác các bên liên quan



Đối với trường nhóm công chiêng thì cho rằng:

“Nếu không có sự tôn trọng và bình đẳng sẽ không hợp tác tốt” (Trường nhóm công chiêng).

“Sự áp đặt, nếu tôi làm như vậy tôi giải nghệ từ lâu rồi, tôi đối xử với cộng đồng người Lạch ở Langbian như thế tôi không có người yêu thương hết. Chính vì thành công nhờ sự góp ý của buôn làng, tôi là người luôn luôn hạ thấp mình xuống, mọi người mới tôn trọng mình được” (Trường nhóm công chiêng).

“Hợp tác với các nhà vườn thì người nông dân không bị coi thường, được tôn trọng, được chuyên gia hỗ trợ giúp công bằng xã hội, nâng cao khả năng giao tiếp bằng tiếng anh,...” (Đại diện doanh nghiệp du lịch).

Như vậy, có thể thấy, sự tôn trọng là nhân tố cũng rất quan trọng thúc đẩy hợp tác, vì nếu thiếu đi sự tôn trọng thì mọi người sẽ không tham gia hợp tác và chắc chắn một điều hiệu quả hợp tác sẽ không đạt được.

4.2.7. Nhân tố sự phụ thuộc

Kết quả phỏng vấn chỉ ra sự phụ thuộc giữa các đối tác kinh doanh để phát triển sản phẩm dịch vụ du lịch, đồng thời tạo ra lợi ích cho các bên.

“Phụ thuộc hai bên cùng phát triển. Ví dụ bên em có khách bên kia có thu nhập thêm. Vì có ít công ty nên có tính ràng buộc giữa các công ty. Hợp tác hai bên cùng có lợi cùng phát triển, không phải phụ thuộc tất cả mà có khi là hỗ trợ” (Đại diện công ty du lịch mạo hiểm).

“Cũng có, tại vì khi bọn em làm nội dung về tour bọn em cũng kết nối với các công ty du lịch để họ tư vấn xây dựng chương trình. Về chuyên môn người ta vẫn hơn” (Đại diện cơ sở chế biến trà).

Sự phụ thuộc ở đây còn được các doanh nghiệp nhìn nhận dưới góc độ là sự tương trợ lẫn nhau, giúp nhau cùng phát triển.

Tóm lại, qua xác định tần suất lặp lại của các biến được mã hóa đã xác định được các nhân tố thúc đẩy và hạn chế hợp tác các bên liên quan trong bối cảnh điểm đến du lịch huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng. Những nhân tố đó bao gồm lợi ích, thông tin và giao tiếp, cam kết, niềm tin, vai trò người trưởng nhóm và sự tham gia bình đẳng, sự tôn trọng và sự phụ thuộc. Mô hình các nhân tố ảnh hưởng đến hợp tác các bên liên quan trong bối cảnh điểm đến du lịch

nông thôn tại huyện Lạc Dương được trình bày tại Hình 1.

5. Kết luận và kiến nghị

Mục tiêu của bài báo này tập trung vào nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến hợp tác giữa các bên liên quan trong phát triển du lịch tại huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng. Mặc dù các nghiên cứu trước đây đã nghiên cứu về hợp tác giữa các bên liên quan, tuy nhiên vẫn thiếu sự đồng thuận và bằng chứng thực nghiệm các nhân tố ảnh hưởng đến hợp tác các bên liên quan trong du lịch, đặc biệt xem xét trong bối cảnh các nước Châu Á và tại Việt Nam. Phương pháp nghiên cứu trường hợp với kỹ thuật chọn mẫu có mục đích kết hợp chọn mẫu quả bóng tuyết được áp dụng tại huyện Lạc Dương tỉnh Lâm Đồng, nghiên cứu này góp phần điền vào khoảng trống nghiên cứu về hợp tác các bên liên quan. Trong bối cảnh du lịch đang ở giai đoạn phát triển tại huyện Lạc Dương, nghiên cứu này đã xác định được các nhóm hợp tác phát triển du lịch (10 nhóm cộng đồng làm du lịch, dự án JICA) và quan hệ đối tác (cơ sở công chiêng và doanh nghiệp du lịch, giữa các cơ sở công chiêng và giữa các khu, điểm du lịch).

Kết quả nghiên cứu đã cho thấy, trong nội bộ nhóm là một thể khá thống nhất, có sự đồng thuận cao, giao tiếp thuận lợi, chia sẻ lợi ích, niềm tin và sự gắn kết cộng đồng cao. Kết quả nghiên cứu đã khám phá các nhân tố ảnh hưởng và đề xuất mô hình hợp tác các bên liên quan địa phương bao gồm lợi ích, thông tin và giao tiếp, cam kết, niềm tin, vai trò người trưởng nhóm và sự tham gia bình đẳng, sự tôn trọng, sự phụ thuộc. Có thể thấy, để thúc đẩy hợp tác, đối tác cần thiết phải xem xét đến các nhân tố ảnh hưởng trên tại địa bàn huyện Lạc Dương. Đây là gợi ý quan trọng không chỉ tốt cho những nhà quản lý du lịch tại địa phương mà còn là gợi ý quan trọng cho các nhóm hợp tác để thúc đẩy hợp tác hiệu quả. Ngoài ra kết quả nghiên cứu cũng giúp nâng cao nhận thức của chính quyền địa phương, cơ quan quản lý du lịch, doanh nghiệp du lịch, và đặc biệt nâng cao nhận thức của người dân tộc thiểu số Cơ ho khi tham gia vào hoạt động du lịch. Đồng thời chính quyền địa phương cũng cần nghiên cứu và ban hành chính sách phát triển du lịch để thúc đẩy không chỉ nội bộ các nhóm hợp tác mà còn tạo sự liên kết giữa các nhóm hợp tác, giảm thiểu cạnh tranh và phát triển điểm đến.

Tài liệu tham khảo:

- Aas, C., Ladkin, A. & Fletcher, J. (2005), 'Stakeholder collaboration and heritage management', *Annals of Tourism Research*, 32(1), 28-48.
- Andereck, K.L. & Vogt, C.A. (2000), 'The relationship between residents' attitudes toward tourism and tourism development options', *Journal of Travel Research*, 39(1), 27-36.
- Aylward, E. & Kelliher, F. (2009), 'Rural tourism development: proposing an integrated model of rural stakeholder network relationships', *IAM Conference* (September 2009), 02nd - 4th September 2009, Galway Mayo Institute of Technology, Galway, Ireland.
- Bramwell, B. & Sharman, A. (1999), 'Collaboration in local tourism policymaking', *Annals of tourism research*, 26(2), 392-415.
- Butterfield, K.D., Reed, R. & Lemak, D.J. (2004), 'An inductive model of collaboration from the stakeholder's perspective', *Business & Society*, 43(2), 162-195.
- Dimitrovskia, D.D., Torodovic, T.A. & Valjarevic, D.A. (2012), 'Rural tourism and regional development: Case study of development of rural tourism in the region of Gruza, Serbia', *Procedia Environmental Sciences*, 14, 288 – 297, Doi: 10.1016/j.proenv.2012.03.028.
- Fathimath, A. (2015), 'The role of stakeholder collaboration in sustainable tourism competitiveness: the case of Auckland, New Zealand', *doctoral dissertation*, Auckland University of Technology, New Zealand.
- Frey, B.B., Lohmeier, J.H., Lee, S.W. & Tollefson, N. (2006), 'Measuring collaboration among grant partners', *American Journal of Evaluation*, 27(3), 383-392.
- Garau, C. (2015), 'Perspectives on cultural and sustainable rural tourism in a smart region: The case study of Marmilla in Sardinia (Italy)', *Sustainability*, 7(6), 6412-6434.
- Haven-Tang, C. & Jones, E. (2012), 'Local leadership for rural tourism development: A case study of Adventa, Monmouthshire, UK', *Tourism Management Perspectives*, 4, 28-35.
- Jamal, T.B. & Getz, D. (1995), 'Collaboration theory and community tourism planning', *Annals of Tourism Research*, 22(1), 186-204.
- Komppula, R. (2016), 'The role of different stakeholders in destination development', *Tourism Review*, 71(1), 67-76.
- Ladkin, A. & Bertramini, A.M. (2002), 'Collaborative tourism planning: A case study of Cusco, Peru', *Current Issues in Tourism*, 5(2), 71-93.
- Lee, A.H., Wall, G. & Kovacs, J.F. (2015), 'Creative food clusters and rural development through place branding: Culinary tourism initiatives in Stratford and Muskoka, Ontario, Canada', *Journal of Rural Studies*, 39, 133-144.
- Nguyễn Thị Thanh Ngân (2016), 'Vai trò của hợp tác các bên liên quan ở địa phương trong phát triển du lịch nông thôn theo hướng bền vững tại Lâm Đồng', *International Conference Proceedings (Sustainable tourism development: Roles of Government, Business and Educational institutions)*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội, 215-228.
- Roberts, L. & Simpson, F. (1999), 'Developing partnership approaches to tourism in Central and Eastern Europe', *Journal of Sustainable Tourism*, 7(3-4), 314-330.
- Saito, H. & Ruhanen, L. (2017), 'Power in tourism stakeholder collaborations: Power types and power holders', *Journal of Hospitality and Tourism Management*, 31, 189-196.
- Sautter, E.T. & Leisen, B. (1999), 'Managing stakeholders a tourism planning model', *Annals of Tourism Research*, 26(2), 312-328.
- Selin, S. & Chavez, D. (1995), 'Developing an evolutionary tourism partnership model', *Annals of Tourism Research*, 22(4), 844-856.
- Thaithong, N. (2016), 'An investigation of tourism stakeholder networks and cluster sustainability in Samui Island, Thailand', *doctoral dissertation*, University of Hull, UK.
- Tosun, C. (2000), 'Limits to community participation in the tourism development process in developing countries',

Tourism Management, 21(6), 613-633.

Trần Thị Huyền Trang (2017), ‘Các yếu tố ảnh hưởng đến mối quan hệ hợp tác của công ty lữ hành với các nhà cung cấp trong chuỗi du lịch’, luận án tiến sỹ, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.

Waddock, S.A. & Bannister, B.D. (1991), ‘Correlates of effectiveness and partner satisfaction in social partnerships’, *Journal of Organizational Change Management*, 4(2), 64-79.

Yin, R.K. (2015), *Qualitative research from start to finish*, The Guilford Press, USA.

Yodsuwan, C. (2010), ‘Effective Tourism Stakeholder Collaboration and Member Satisfaction’, doctoral dissertation, Griffith University, Australia.

Yuksel, F., Bramwell, B. & Yuksel, A. (1999), ‘Stakeholder interviews and tourism planning at Pamukkale, Turkey’, *Tourism Management*, 20(3), 351-360.